

Uông Bí, ngày 06 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Phương Đông B công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		-		
1	Chi sự nghiệp		-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.721.891.900	4.851.965.981	45%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.721.891.900	4.851.965.981	45%	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.721.891.900	4.851.965.981		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.432.465.600	4.286.589.472		
a	Chi thanh toán cá nhân		3.650.839.913		
	Mục 6000: Tiền lương		1.898.957.455		
	Mục 6051: Tiền công trả cho vị trí LĐ thường xuyên theo HĐ		5.000.000		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		1.059.555.268		
	Mục 6200: Tiền thưởng				
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể		18.898.400		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp		534.564.790		
	Mục 6400: Các khoản TT khác cho cá nhân		133.864.000		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn		565.612.987		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Mục 6500: Dịch vụ công cộng		77.289.749		
	Mục 6550: Vật tư văn phòng		16.385.000		
	Mục 6600: Thông tin liên lạc		22.082.100		
	Mục 6650: Hội nghị		8.231.000		
	Mục 6700: Công tác phí		16.478.000		
	Mục 6750: Chi phí thuê mượn		130.200.000		
	Mục 6900: Sửa chữa TS phục vụ CM		96.067.538		
	Mục 6950: Mua sắm TS phục vụ CM				
	Mục 7000: CP nghiệp vụ CM		194.879.600		
	Mục 7050: mua sắm TS vô hình		4.000.000		
c	Chi mua sắm sửa chữa lớn		-		
	Mục 9050: M/sắm TS công tác CM		-		
d	Chi khác		70.136.572		
	Mục 7750: Chi khác		70.136.572		
đ	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoản chi và đơn vị sự nghiệp có thu		-		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.289.426.300	565.376.509		
	Chi thanh toán cá nhân		108.588.509		
	- Mục 6100: Phụ cấp lương		98.988.509		
	- Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho HS		9.600.000		
	- Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	-	112.832.000		
	Mục 6500: Dịch vụ công cộng				
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc		14.305.000		
	Mục 7150: Chi về công tác người có công với CM				
	Mục 7000: CP nghiệp vụ CM		98.527.000		
	Chi khác	-	25.000.000		
	Mục 7750: Chi khác		25.000.000		
	Mục 8000: Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm		318.956.000		

Kế toán



Nguyễn Thị Tú Uyên

Ngày 06 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lại Thị Thanh Linh